

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá (giai đoạn nâng công suất từ 45.000m³/năm lên 135.000 m³/năm) của Công ty cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Đức Luân

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 5363/UBND-CN ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương lập hồ sơ nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá;

Xét Văn bản số 7518/STNMT-BVMT ngày 19/8/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá (giai đoạn nâng công suất từ 45.000m³/năm lên 135.000m³/năm);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1570/Tr-STNMT ngày 08/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại

núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (Giai đoạn nâng công suất từ 45.000m³/năm lên 135.000 m³/năm) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Đức Luân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (Giai đoạn nâng công suất từ 45.000m³/năm lên 135.000 m³/năm) của Công ty cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Đức Luân thực hiện tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Thanh, Giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Đức Luân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Xuân Khang (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường
tại núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
(giai đoạn nâng công suất từ 45.000m³/năm lên 135.000 m³/năm)
của Công ty cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Đức Luân

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (Giai đoạn nâng công suất từ 45.000m³/năm lên 135.000 m³/năm).

- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Đức Luân.

+ Người đại diện: (Bà) Trịnh Ngọc Lan - Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ liên hệ: Xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

- Vị trí địa lý:

+ Khu vực khai thác và khai trường:

Khu vực	Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ .00', múi chiếu 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
Khu vực khai thác S = 30.000 m ²	1	2175114.00	558664.00
	2	2175156.00	558682.00
	3	2175156.00	558792.58
	4	2174993.00	558908.00
	5	2174920.00	558811.00
Khu vực khai trường S = 18.000 m ²	1	2175114.00	558664.00
	5	2174920.00	558811.00
	6	2174875.73	558753.00
	7	2175067.00	558605.00
Tổng diện tích S = 48.000 m²			

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi, quy mô:

+ Khu vực mỏ khai thác có tổng diện tích: 48.000 m², trong đó, diện tích khu vực khai thác: 30.000 m²; diện tích khu vực khai trường: 18.000 m².

- Công suất:

- + Chế biến đá VLXD: 135.000 m³/năm.
- + Cát nhân tạo: 75.000 tấn/năm.
- Thời gian khai thác: 09 năm 07 tháng (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mở khoảng 2 tháng).

1.3. Công nghệ khai thác

** Công nghệ khai thác, chế biến đá VLXD:*

- Mở khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác khấu theo lớp đứng cắt tầng, công tác xúc bốc vận tải thực hiện tại chân tuyến vận chuyển bằng ô tô đến khu vực chế biến.

- Quy trình công nghệ khai thác như sau: Bóc tầng phủ → khoan nổ mìn → bốc xúc → Nghiền sàng → vận chuyển đi tiêu thụ.

** Công nghệ chế biến cát nhân tạo:*

- Quy trình công nghệ chế biến như sau: Đá hoặc sỏi, cuội → bunke cấp liệu → máy nghiền sơ cấp → nghiền sàng liên hợp → máy nghiền búa trục đứng → máy rửa cát → vận chuyển đi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

a. Các hạng mục công trình hiện hữu:

- Các hạng mục công trình khác phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản: Trạm nghiền sàng 1 (công suất 250 tấn/giờ); Trạm nghiền sàng 2 (công suất 50 tấn/giờ); kho chứa vật liệu nổ công nghiệp (diện tích 42,0 m²); kho chất thải nguy hại (diện tích 12,0 m²); bãi chứa thành phẩm có diện tích 1.500,0 m² (kích thước dài 50m, rộng 30m).

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 01 Hồ lắng 02 ngăn có tổng dung tích 3.125,0 m³ (diện tích 1.250 m², sâu 2,5m); mương thoát nước chiều dài 159m (kích thước rộng 1,0m, sâu 0,8m) và các hạng mục công trình phụ trợ khác.

- Ngoài ra, để phục vụ quá trình khai thác và chế biến đá, Công ty còn xây dựng các công trình trên khu vực đất thuê thêm (thuộc dự án riêng) gồm: Nhà điều hành + Nhà bán hàng diện tích khoảng 70,0m²; Nhà ở công nhân diện tích khoảng 107,5 m²; Kho vật tư diện tích khoảng 30,0 m²; Khu văn phòng diện tích khoảng 294,0 m²; Trạm cân trọng tải 100 tấn; Trạm biến áp công suất 630KVA, diện tích khoảng 108,0 m².

b. Các công trình xây dựng mới.

- Thi công làm đường công nhân lên núi, gồm 02 tuyến:

+ Tuyến 1: Độ cao từ cos+30,0m đến cos+160,0m, chiều dài 309 m, chiều rộng mặt đường 2,0m.

+ Tuyến 2: Độ cao từ cos +85m đến cos +100m, chiều dài 30m, chiều rộng mặt đường 2,0m.

- Tạo mặt bằng công tác ban đầu, diện tích 1.400m².

- Bãi thải diện tích 500,0 m² (kích thước dài 25,0 m, rộng 20,0m).

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động khai thác đá vôi làm VLXD thông thường gồm: Khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển đá về trạm nghiền sàng, nghiền sàng, vận chuyển đi tiêu thụ.

- Hoạt động chế biến cát nhân tạo gồm: nghiền sàng, rửa cát, vận chuyển đi tiêu thụ.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại mỏ.

- Hoạt động sửa chữa máy móc trang thiết bị tại mỏ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn vận hành như sau:

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực khai thác, khu vực bãi thải.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận tải.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác, chế biến

- Bụi khí thải phát sinh từ hoạt động trạm nghiền sàng, bốc xúc, vận chuyển,...

- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án.

- Quá trình nổ mìn, khai thác, vận chuyển đá nguyên khối, đá thải phát sinh tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động.

- Quá trình phát quang thảm thực vật, khai thác làm mất lớp phủ thực vật, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực khai thác.

- Các rủi ro, sự cố do cháy nổ, trượt lở bờ mỏ, trượt lở bãi thải, tai nạn lao động.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư (giai đoạn vận hành dự án)

3.1. Nước thải

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt khoảng 0,7 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: TSS, BOD₅, COD và tổng Nitơ (N), tổng Photpho (P), coliform,...

- Nước thải rửa lốp bánh xe phát sinh khoảng 2,0 m³/ngày; Nước thải từ quá trình rửa cát phát sinh khoảng 0,66 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: đất, đá, TSS,...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ ngày mưa lớn nhất khoảng 18.720,99 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: đất, đá, TSS,...

3.2. Bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan phá đá, từ hoạt động bốc xúc, từ hoạt động vận chuyển đất đá về khu vực về khu vực chế biến và hoạt động chế biến, nghiền sàng đá, cát; bốc xúc tại trạm nghiền sàng. Thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.3. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 10,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi nilon, thủy tinh, thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...

- Đất đá thải từ quá trình khai thác khoảng 1.991,0 m³/năm.

- Ngoài ra, còn có lượng bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, thoát nước, hồ lắng.

3.4. Chất thải nguy hại (CTNH)

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa ... khối lượng khoảng 10,0 kg/tháng phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy khoảng 98,0 lít/năm.

3.5. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

- Tác động do ồn, rung: Phát sinh từ hoạt động nổ mìn, từ hoạt động nghiền sàng, vận chuyển, bốc xúc từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư (giai đoạn vận hành dự án)

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt tại khu vực khai trường được thu gom, xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động (dung tích bồn nước là 400 lít, bồn phân là 1.200 lít); hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý với tần suất 03 ngày/lần.

- Nước rửa lốp bánh xe được thu gom qua hệ thống rãnh thoát nước dẫn về hồ lắng có thể tích 4,0 m³ kích thước (2,0mx 2,0mx1,0m), thành và đáy được đổ bê tông để chống thấm tại khu vực đất thuê thêm để thu gom, tái sử dụng tưới cây, dập bụi,...

- Nước mưa chảy tràn: Nước trên các tầng khai thác → Mương thoát nước (kích thước dài 159 m x rộng 1,0 m x sâu 0,8m) → Hồ lắng 02 ngăn, thể tích 3.125,0 m³ (tự chảy) → Hệ thống mương thoát nước của khu vực.

- Nước thải phát sinh từ máy rửa cát tại trạm nghiền sàng cát nhân tạo được đưa qua hồ lắng có thể tích 20 m³ (kích thước dài 5,0m x rộng 2,0m x sâu 2,0m) để lắng cặn; nước sau lắng được tái tuần hoàn vào quá trình rửa cát. Bùn, đất lắng cặn tại hồ lắng được định kỳ nạo vét, thu gom, vun gốc cây dọc tuyến đường vận chuyển, trong khu vực đất thuê thêm.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

- Áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai và thuốc nổ theo hồ sơ thiết kế cơ sở đã được duyệt để giảm thiểu phát tán bụi và khí thải.

- Tuân thủ quy trình kỹ thuật khi tiến hành nổ mìn, khống chế khoảng cách an toàn đối với người và thiết bị, máy móc.

- Tại khu vực bốc xúc sản phẩm, bố trí hệ thống phun ẩm tự động với 10 béc phun liên tục; khu vực còn lại trong sân công nghiệp, bố trí 3 hệ thống giàn phun sương liên tục trong suốt quá trình khai thác chế biến tại mỏ; mỗi giàn phun sẽ bố trí 10 béc và các đường ống dẫn cấp nước.

- Bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ; các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ.

- Việc nổ mìn phải được bóc sạch tầng phủ trước khi thực hiện nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi phát tán vào không khí.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Thường xuyên phun nước tại những khu vực phát sinh bụi (khu vực khai thác; khu vực đường vận tải nội mỏ); sử dụng máy 01 máy quét bụi để hút bụi dọc tuyến đường từ mỏ ra trục đường đi chung của xã.

- Bố trí khu vực rửa lốp bánh xe tại khu vực đất thuê thêm, các xe vận chuyển được rửa lốp, bánh xe trước khi vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.

- Bảo tồn cây xanh xung quanh khu vực khai thác, trồng cây xanh dọc tuyến đường vận tải mỏ, khu vực đất thuê thêm.

4.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom vào 02 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng có nắp đậy kín, 01 xe đẩy có thể tích 1,0 m³ tại khu vực khai trường; định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 2 - 3 ngày/lần.

- Chất thải thông thường phát sinh trong quá trình khai thác chủ yếu là đất đá thải được tận dụng để san lấp tuyến đường nội, ngoại mỏ; một phần bán cho các đơn vị làm vật liệu san lấp; phần còn lại được lưu chứa tại bãi thải có diện tích 500,0 m² (kích thước dài 25,0 m x rộng 20,0 m x cao 1,0m; đáy lớn rộng 0,6m, đáy bé rộng 0,4 m).

- Bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, thoát nước, hồ lắng không chứa thành phần nguy hại được tận dụng vun gốc cây dọc tuyến đường vận chuyển, khu vực đất thuê thêm.

4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

- Trang bị ít nhất 04 thùng đựng CTNH (dung tích 60 lít/thùng; 120 lít/thùng) đặt tại khu vực khai thác, tại kho chứa CTNH diện tích 12,0m²; các thùng chứa có nắp đậy, có dán nhãn mác; kho được thiết kế kiểu kho kín, gắn biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên lao động trực tiếp.

- Hạn chế sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị trên công trường thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, rung.

- Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại khu vực phát sinh tiếng ồn cao.

- Áp dụng phương án nổ mìn kỹ thuật đảm bảo an toàn cho các công trình xung quanh khu vực Dự án; thực hiện nổ mìn theo đúng phương pháp và hộ chiếu nổ mìn được cơ quan chức năng phê duyệt.

- Bố trí hợp lý giờ làm việc tuân thủ theo đúng quy định.

4.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tại khu vực khai trường khai thác: hàng năm, tiến hành gia cố bờ đáy mỏ khai thác và các tầng khai thác, gia cố mái taluy xung quanh khu vực khai trường đã kết thúc khai thác, hạn chế sạt lở ra khu vực xung quanh.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu thoát nước và hồ lắng.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mức nước trong hồ lắng (trong trường hợp mưa lớn), nhằm kịp thời xử lý các tình huống tránh sự cố xảy ra; không để nước sau xử lý tại hồ lắng chảy tràn vào khu vực ao các của các hộ dân xung quanh.

- Thực hiện nổ mìn theo đúng hộ chiếu nổ mìn đã được phê duyệt.

- Trang bị bình chữa cháy, kiểm tra đường dây, thiết bị điện, cấm hút thuốc ở gần kho vật liệu nổ công nghiệp.

- Thực hiện theo phương án ứng phó sự cố khi xảy ra sạt lở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Yêu cầu công nhân tuân thủ nghiêm túc an toàn lao động; thực hiện chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân.

4.7. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

4.7.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Khu vực khai thác: Cây gỗ đá treo, đá om trên các sườn tầng; cấm biển báo nguy hiểm; nạo vét rãnh thoát nước chân tầng; san gạt mặt bằng, phủ đất màu; trồng cỏ khu vực đáy moong.

- Khu vực khai trường: Tháo dỡ công trình, di dời máy móc thiết bị, san gạt mặt bằng, phủ đất màu và trồng cây keo tại tượng Úc.

- Tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: Gia cố tuyến đường, nạo vét kênh mương.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
A	Khu vực moong khai thác		
1	Cây gỗ đá treo bằng máy khoan	m ³	74,10

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
2	Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0,7 x 0,7 x 0,7m	cái	5,00
3	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	5,00
4	San gạt mặt bằng	100m ³	63,39
5	Mua đất màu	m ³	2.113,00
6	Vận chuyển đất màu, vận chuyển bằng ô tô 10T	100m ³	21,13
7	Trồng cỏ gừng	ha	2,10
B	Khu vực sân công nghiệp		
1	Hút và khử trùng	cái	01
2	Tháo dỡ công trình		
3	Tháo dỡ bộ móng máy nghiền	m ³	15,00
	Phá dỡ kết cấu gạch đá trong công trình dân dụng, phá dỡ tường gạch	m ³	64,40
	Phá dỡ bê tông móng không cốt thép	m ³	32,80
	Phá dỡ nền xi măng không cốt thép	m ²	245,00
	Phá dỡ cửa, cửa lớn, cửa sổ	m ²	25,00
	Tháo dỡ kết cấu sắt thép	tấn	4,10
	Tháo dỡ mái tôn	m ²	246,00
	Tháo dỡ trạm nghiền sàng	hệ thống	4,00
	Tháo cột điện	cái	10,00
	Phá dỡ kết cấu tường đá	m ³	96,00
4	Di chuyển máy móc thiết bị	ca xe	5,00
5	Vận chuyển đồ thải	100m ³	4,06
6	Nạo vét mương thoát nước	100m ³	0,18
7	San gạt mặt bằng	100m ³	54,00
8	San lấp ao lầy	100m ³	31,25
9	Mua đất màu	m ³	75,10
10	Vận chuyển đất màu, vận chuyển bằng ô tô 10T	100m ³	0,75
11	Trồng keo tai tượng Úc	ha	1,80
C	Khu vực bãi thải		

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Tháo dỡ tường kê xung quanh bãi thải, tường xây đá hộc	m ³	54,00
2	Vận chuyển đồ thải	100m ³	0,54
D	Khu vực xung quanh		
1	Gia cố tuyến đường ngoại mỏ (đổ bê tông)	m ³	10,00
2	Nạo vét mương thoát nước	100m ³	0,32
E	Chi phí khác		
1	Duy tu, bảo trì công trình	lần	1,00

4.7.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là **526.817.494** đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm mười bảy nghìn, bốn trăm chín mươi tư đồng).

- Chủ dự án đã thực hiện ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa với số tiền là **128.502.789** đồng (Một trăm hai mươi tám triệu, năm trăm linh hai nghìn, bảy trăm tám mươi chín đồng).

- **Tổng giá trị còn lại phải ký quỹ: 398.314.705** đồng (Ba trăm chín mươi tám triệu, ba trăm mười bốn nghìn, bảy trăm linh năm đồng).

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau: Số lần ký quỹ 09 (chín) lần, cụ thể:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (25%): **99.578.676 đồng**; thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ 08 (tám) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **37.342.004 đồng**; việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi trong khoảng thời gian không quá 7 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá năm tiếp theo sau năm 2024. Số tiền trượt giá hàng năm sẽ được Chủ dự án tự kê khai và nộp cùng với số tiền ký quỹ hàng năm của Dự án.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

Khuyến khích Chủ đầu tư thực hiện giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại khu vực khai thác và khu vực trạm nghiền sàng.

- Thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, độ rung, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ, đặc biệt là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2019/BCT về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát rung chấn trong quá trình nổ mìn, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn, đá văng trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có rủi ro cao khác.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên thực hiện giám sát sụt lở, sụt lún, an toàn nổ mìn, khả năng tiêu thoát nước của Dự án.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để bảo đảm an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng ngừa, ứng cứu sự cố sụt lở, sự cố thiên tai, cháy nổ, tai nạn lao động, rủi ro, sự cố môi trường; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.